

Số: 4456/QĐ-ĐHBK

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành bảng tham chiếu quy đổi tương đương các chứng chỉ ngoại ngữ
áp dụng cho công tác tuyển sinh đại học chính quy từ năm 2025**

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/06/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020, sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 05/2021/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học Bách khoa Hà Nội do Hội đồng đại học ban hành theo Nghị quyết số 40/NQ-ĐHBK ngày 02 tháng 12 năm 2024;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh đại học ban hành kèm theo Quyết định số 4516/QĐ-ĐHBK ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Giám đốc Đại học Bách khoa Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 126/QĐ-ĐHBK ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Giám đốc Đại học Bách khoa Hà Nội về việc ban hành bảng tham chiếu quy đổi tương đương các chứng chỉ ngoại ngữ;

Theo đề nghị của Trưởng ban Tuyển sinh – Hướng nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành bảng tham chiếu quy đổi tương đương các chứng chỉ ngoại ngữ áp dụng cho công tác tuyển sinh đại học chính quy tại Đại học Bách khoa Hà Nội từ năm 2025 (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Ông/Bà Trưởng ban Tuyển sinh - Hướng nghiệp, trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ./.

Nơi nhận:

- Như điều 2,
- Lưu: VT, TSHN

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



PGS.TS. Nguyễn Phong Điền



PHỤ LỤC

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI TƯƠNG ĐƯƠNG CÁC CHỨNG CHỈ NGOÀI NGỮ ÁP DỤNG CHO TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TỪ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 4456/QĐ-ĐHKB ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc Đại học Bách khoa Hà Nội)

Điểm thường quy đổi	IELTS Academic	VSTEP	Aptis Ecol	PEIC	PTE Academic	Linguaskill	Cambridge Assessment English	Cambridge English Tests	TOEIC				TOEFL		JLPT	DELF/DAF	TCF	HSK+HSKK	
									Nghe	Nói	Đọc	Viết	IBT	ITP				HSK	HSKK
1	8.5	5.0	5.5	80-120	Level 2	140-159	B1 Preliminary/ B1 Business Preliminary	PET (140-159)	275-395	120-140	275-380	120-140	35-45	450-499	N ⁴ (145-180)	DELF A2 (≤70)	200-249	HSK3 (241-300)	HSKK Sơ cấp
2	9.0	5.5	6.0-6.5	121-134	Level 3 (Pass)	160-166	B2 First/B2 Business Vantage (160-172/Pass at Grade C)	FCE (160-166)	400-430	150	385-410	150	46-59	500-541	N ³ (95-120)	DELF A2 (>70)	250-299	HSK4 (180-210)	HSKK Trung cấp
3	9.5	6.0	7.0-7.5	135-148	Level 3 (Pass with Merit)	167-173	B2 First/B2 Business Vantage (173-179/Pass at Grade B)	FCE (167-173)	435-460	160	415-430	160	60-78	542-583	N ³ (121-149)	DELF B1 (≤70)	300-349	HSK4 (211-240)	HSKK Trung cấp
4		6.5	8.0	149-160	Level 3 (Pass with Distinction)	174-179	B2 First/B2 Business Vantage (180-190/Pass at Grade A)	FCE (174-179)	465-485	170	435-450	170	79-93	584-626	N ³ (150-180)	DELF B1 (>70)	350-399	HSK4 (241-300)	HSKK Trung cấp
5		7.0	8.5	161-167	Level 4 (Pass)		C1 Advanced/ C1 Business Higher (180-192/Pass at Grade C)	CAE (180-186)	490	180	455-470	180	94-101	627-643	N ² (90-117)	DELF B2 (≤70)	400-449	HSK5 (180-210)	HSKK Cao cấp
6	10	7.5	9.0	168-174	Level 4 (Pass with Merit)		C1 Advanced/ C1 Business Higher (193-200/Pass at Grade B)	CAE (187-193)		190	475-485	190	102-109	644-660	N ² (118-142)	DELF B2 (>70)	450-499	HSK5 (211-240)	HSKK Cao cấp
7		8.0	9.5-10	175-180	Level 4 (Pass with Distinction)	>180	C2 Proficiency	CAE (194-199)	495	200	490-495	200	110-114	661-677	≥ N ² (143-180)	≥ DALF C1	≥ 500	≥ HSK5 (241-300)	HSKK Cao cấp
		8.5						CPE (200-215)					115-117						
		9.0			Level 5			CPE (216-230)					118-120						

Ghi chú: Đối với chứng chỉ TOEIC, điểm thường và điểm quy đổi được tính là trung bình cộng của điểm thường và điểm quy đổi cho 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết.

Handwritten signature in blue ink.